



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 5)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 5)

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm công nghệ năng lượng
Laboratory: *Energy technology Testing Department*

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc
Organization: *Northern Electrical Testing one member Company Limited*

Số hiệu/ Code: VILAS 272

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Đo lường – Hiệu chuẩn
Field: *Measurement – Calibration*

Người quản lý
Laboratory manager: Nguyễn Quang Khanh
Nguyen Quang Khanh

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 28/11/2030

Địa chỉ/ Address: 465 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, Hà Nội
465 Nguyen Van Linh street, Phuc Loi ward, Ha Noi city

Địa điểm/Location: 465 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, Hà Nội
465 Nguyen Van Linh street, Phuc Loi ward, Ha Noi city

Điện thoại/ Tel: 0243 8759361

Email:

Website: npcetc.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 5)*LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 5)***VILAS 272****Phòng thí nghiệm công nghệ năng lượng/ *Energy technology Testing Department*****Lĩnh vực hiệu chuẩn: Áp suất***Field of calibration: Pressure*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Áp kế, chân không kế kiểu lò so và hiện số (x) <i>Pressure & Vacuum gauge with digital and dial indicating type</i>	(-1 ~ 0) bar	ĐLVN 76:2001	0,2 %
		(0 ~ 2,5) bar		0,1 %
		(2,5 ~ 7,0) bar		0,1 %
		(7,0 ~ 60) bar		0,1 %
		(60 ~ 588) bar		0,1 %
2	Thiết bị chuyển đổi áp suất (x) <i>Pressure transducer and transmitter</i>	(-1 ~ 0) bar	ĐLVN 112:2002	0,1 %
		(0 ~ 2,5) bar		0,1 %
		(2,5 ~ 7,0) bar		0,1 %
		(7,0 ~ 60) bar		0,1 %
		(60 ~ 588) bar		0,1 %
3	Thiết bị đặt mức áp suất (x) <i>Pressure switches</i>	(0 ~ 600) barg	ĐLVN 133:2004	0,1 %

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt*Field of calibration: Temperature*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1	Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự (x) <i>Digital and analog thermometer</i>	(30 ~ 250) °C	ĐLVN 138:2004	0,25 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 5)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 5)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm công nghệ năng lượng/ *Energy technology Testing Department*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
2	Phương tiện đo độ ẩm, nhiệt độ <i>Thermo - Hygrometer</i>	(10 ~ 50) °C	NPCETC.CNNL/QT.09 (2020)	0,5 °C
		(25 ~ 90) %RH		2 %RH
3	Cặp nhiệt điện công nghiệp (x) <i>Industrial thermocouples</i>	(0 ~ 250) °C	NPCETC.CNNL/QT18 (2025)	1,1 °C
		(250 ~ 650) °C		1,4 °C
4	Nhiệt kế điện trở công nghiệp (x) <i>Industrial platinum resistance thermometers</i>	(0 ~ 650) °C	ĐLVN 125:2003	0,5 °C
5	Bộ chuyển đổi đo nhiệt độ (x) <i>Temperature transmitter</i>	(0 ~ 250) °C	NPCETC.CNNL/QT17 (2025)	0,35 °C
		(250 ~ 650) °C		0,5 °C
6	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ hiện số và tương tự (x) <i>Digital and analog temperature indicators</i>	Pt 100 ($\alpha = 0,00392$) (-200 ~ 650) °C	ĐLVN 160:2005	0,15 °C
		Pt 100 ($\alpha = 0,00391$) (-200 ~ 650) °C		0,15 °C
		Pt 100 ($\alpha = 0,00385$) (-200 ~ 650) °C		0,15 °C
		Pt 1000 ($\alpha = 0,00385$) (-200 ~ 650) °C		0,12 °C
		Pt 500 ($\alpha = 0,00385$) (-200 ~ 650) °C		0,12 °C
		Pt 200 ($\alpha = 0,00385$) (-200 ~ 650) °C		0,12 °C
		Type E: (-200 ~ 800) °C		0,8 °C
		Type K (-200 ~ 1 200) °C		1,5 °C
		Type N: (0 ~ 1 200) °C		1,5 °C
		Type J: (0 ~ 760) °C		1,0 °C
		Type T: (-200 ~ 370) °C		1,2 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 5)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION (No 5)

VILAS 272

Phòng thí nghiệm công nghệ năng lượng/ *Energy technology Testing Department*

Chú thích/ *Note*:

- (x): Các phép hiệu chuẩn thực hiện tại hiện trường/ *Onsite calibration*
- ⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*
- Trường hợp Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Northern Electrical Testing one member Company Limited that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

